

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2020/DS-PT

Ngày: 21 - 7 - 2020

V/v tranh chấp “Quyền về tưới
nước, tiêu nước trong canh tác
và cấp, thoát nước qua bất động
sản liền kề”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 15 và 21 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền
Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLPT-DS ngày 17
tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Quyền về tưới nước, tiêu nước trong
canh tác và cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2020/QĐ-PT ngày
02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 366, tổ 12, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Anh **Lê Nhựt T**, sinh ngày 20-7-2001 (vắng mặt)

Chị **Lê Như Tr**, sinh năm 2004

Địa chỉ: Số 366, tổ 12, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật chị Trâm là ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Hồng C, là cha mẹ ruột

4. Anh **Trần Hoàng V**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

5. Ông **Trần Văn Ch**, sinh năm 1927(vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tây Hòa, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà **Bùi Thị Minh D**, sinh năm 1964(có mặt)

Địa chỉ: Số 847 Lý Thường K, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ tạm trú tại: ấp L, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh **Trần Đ**, sinh năm 1997;

9. Chị **Trần Chi S**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 847 Lý Thường K, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ tạm trú tại: số 85/10 Trần Thị Đ, phường L, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng C: Bà **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988, địa chỉ ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 06 - 01- 2020) (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B, anh Trần Đ, chị Trần Chi S: Bà **Bùi Thị Minh D**, sinh năm 1964, địa chỉ: số 847 Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; (Theo các văn bản ủy quyền lập ngày 11- 4 - 2018 và ngày 28 - 02 - 2019) (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn, ông Lê Văn Th và người đại diện theo ủy quyền của ông Th trình bày:*

Ông Lê Văn Th có phần đất 5.901m² thuộc thửa 384 (trước đây là thửa 224), tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00422 ngày 29-12-2010 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Th. Phần đất này xung quanh bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề khác không có lối cấp thoát nước. Năm 2001, ông Th có đặt qua đất của ông Trần Văn Ch (nay đất do anh Trần Hoàng V đang quản lý, sử dụng) một đường bọng bằng xi-măng có đường kính khoảng 30cm. Sau đó đến năm 2012, anh V lấp bọng nên ông Th mới xin ông Trần Văn B cho đặt bọng nhựa có đường kính 315mm nhờ qua phần đất của ông B thuộc thửa 463, 464 rồi đến đất Nhà văn hóa ấp H ra sông Mù U. Việc ông Th đặt bọng nhựa qua đất ông B được ông B làm giấy tay cho đặt vào ngày 10-5-2015. Đến ngày 20-5-2017, ông Th phát hiện có người hủy hoại bọng của ông nên trình báo công an xã giải quyết. Qua làm việc của công an xã thì anh Trần Hoàng V là người cắt ống bọng của ông Th vì giữa ông B và anh V đã đổi đất với nhau, anh V sử dụng phần đất thuộc thửa 464 của ông B, ông B sử dụng phần đất của anh V nằm liền

ranh với đất ông B, nên ông B không thực hiện theo tờ giấy cho đặt bọng nữa. Do đó ông Th khởi kiện yêu cầu ông B tiếp tục cho hộ ông Th tiếp tục được sử dụng đường nước như hiện trạng đặt bọng trên đất của hộ ông B, có diện tích ngang 01m, dài 13,28m qua thửa 464 và qua thửa 463 dài 29,15m; ông Th đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông B theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Đối với yêu cầu phản tố của ông B, yêu cầu ông Th phải tháo dỡ, di dời đường ống nước đã đặt ra khỏi đất của ông B, ông Th không đồng ý.

** Bị đơn Trần Văn B và đại diện ủy quyền là bà Bùi Thị Minh D trình bày:* Vào năm 2015, ông Trần Văn B có cho ông Lê Văn Th đặt bọng nhựa qua đất của ông B thuộc thửa 463 và 464, nhưng không thỏa thuận cho ông Th đặt vĩnh viễn mà sau này trong quá trình sử dụng đất nếu có biến động gì ông Th phải tháo dỡ di dời đường bọng, việc lập tờ giấy cho đặt bọng là có nhưng không có nội dung cho đặt vĩnh viễn mà nội dung này ông Th tự ý ghi vào và thời gian ghi trong giấy cũng không đúng thực tế, trong giấy ghi ngày 10-5-2015 nhưng ngày đúng là 20-4-2016. Do trong quá trình sử dụng đất, để thuận tiện cho việc canh tác nên ông B và anh Trần Hoàng V có trao đổi đất cho nhau, anh V sẽ sử dụng thửa 464 của ông B, ông B sử dụng phần đất thuộc thửa 461 nằm ở bên kia lộ của anh V (đất hiện do ông Ch là ba anh V đứng tên, nhưng anh V đang quản lý sử dụng). Vì vậy, ông B không thể cho ông Th tiếp tục sử dụng đường bọng nước đã đặt nữa.

Ông Trần Văn B không đồng ý cho ông Th đặt bọng và có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Th di dời đường bọng nhựa có đường kính 315mm và đường bọng nhựa đường kính 90mm mà ông Th đã đặt ra khỏi thửa đất 463 và 464 của ông B; ông B không đồng ý khoản bồi thường nào, cũng không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Hồng C, Lê Nhật T trình bày:* Bà Cẩm, anh Tân thống nhất với ý kiến của ông Th, do phía anh Trần Hoàng V chưa có chủ quyền đất nên phía nguyên đơn kiện ông B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn Ch trình bày:* Phần đất mà hiện nay con ông là anh Trần Hoàng V đổi với ông Trần Văn B là của ông đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông đã giao cho anh V cách nay hơn 20 năm. Do đó, việc anh V và ông B đổi đất cho nhau ông đồng ý, không có ý kiến hay yêu cầu gì, nếu đã đổi cho ông B thì ông B được toàn quyền quyết định.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Trần Hoàng V trình bày:* Anh có phần đất thuộc thửa 461 hiện do cha anh là ông Trần Văn Ch đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng. Để thuận tiện cho việc canh tác, ngày 14-4-2016, anh

có thỏa thuận với ông Trần Văn B để đổi đất. Anh sẽ sử dụng thửa 464 của ông B, còn ông B sử dụng thửa 461 của anh. Việc chuyển đổi đất có lập thành văn bản, ông Ch không có ký tên vì đã lớn tuổi nhưng trước đó có ý kiến đồng ý việc đổi đất này. Nếu như việc thỏa thuận chuyển đổi đất với ông B hoàn tất và ông Th có nhu cầu sử dụng đường nước thì anh đồng ý cho sử dụng tiếp nhưng với điều kiện khi nào anh có xây cất, sử dụng phần đất trên thì ông Th phải có trách nhiệm di dời đường nước.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 25/06/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 112, Điều 138, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 252, 253 của Bộ luật Dân sự; khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th về việc yêu cầu ông Trần Văn B tiếp tục cho sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở ở bề mặt có chiều ngang 01m đi qua thửa đất 463 có chiều dài 29,15m và qua thửa 464 có chiều dài 13,28m, đất tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu T4, T5 trên sơ đồ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Trần Văn B.

Buộc ông Lê Văn Th phải di dời đường bọng nhựa đường kính 315mm (Nằm trong phần ký hiệu T4, T5 trên sơ đồ) ra khỏi thửa đất số 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 5681,9m² (Đo đạc thực tế là 5822,9m², ký hiệu T1 trên sơ đồ) và thửa đất 464, tờ bản đồ 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn B.

Buộc ông Lê Văn Th phải di dời đường bọng nhựa đường kính 90mm, (Nằm trong phần đất ký hiệu T7 trên sơ đồ) có chiều dài 0,6m ra khỏi thửa đất 464, tờ bản đồ 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn B.

Ông Trần Văn B không phải bồi thường chi phí di dời cho ông Lê Văn Th.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trần Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn Th di dời đường bọng nhựa đường kính 90mm (Ký hiệu T8 trên sơ đồ) nằm cặp đường bê-tông trong hai thửa đất 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 5681,9m² (Đo đạc thực tế là 5822,9m², ký hiệu T1 trên sơ đồ) và thửa đất 464, tờ bản đồ 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn B.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định” theo Quyết định số 07/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn ông Văn Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc hộ ông Trần Văn B tiếp tục cho gia đình ông sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở ở bề mặt có chiều ngang 01m đi qua thửa đất 463 có chiều dài 29,15m và qua thửa đất 464 có chiều dài 13,28m, đất tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang (Ký hiệu T4, T5 trên sơ đồ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B, ông Th đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông B theo giá mà Hội đồng định giá đã định, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Mỹ L là đại diện ủy quyền của ông Lê Văn Th cho rằng phần đất hộ ông Th bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề không có đường nước; đường nước ông Th khởi kiện yêu cầu hộ ông B mở đã được ông B cho ông Th đặt bọng ngầm bằng ống nhựa phi 315mm từ năm 2015 để phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất ông Th canh tác là 5.091m² đang trồng cây sầu riêng, ngoài đường nước này phần đất hộ ông Th không có đường nước nào khác, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Th; ông Th đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất cho hộ ông B với số tiền 25.000.000đ, ông Th đồng ý tháo dỡ di dời đường ống bọng nhựa phi 90mm có chiều dài 0,6m qua thửa đất 464 của hộ ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị Minh D là đại diện ủy quyền của bị đơn Trần Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Đ, Trần Chi S và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th, bởi lẽ ngoài đường nước ông Th khởi kiện ông B yêu cầu mở, thì ông Th có thể yêu cầu mở đường nước qua phần đất của ông Trần Văn N, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy phần đất của ông Lê Văn Th bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề không có đường nước, nên ông Th kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc hộ ông B cho tiếp tục sử dụng đường nước mà trước đây hộ ông Th đã sử dụng là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Nhựt T, anh Trần Hoàng V, ông Trần Văn Ch được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác và cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề” là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th xét thấy:

Xét thấy ông Lê Văn Th có phần đất 5.901m² thuộc thửa 384 (trước đây là thửa 224), tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang, phần đất này xung quanh bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề khác không có lối cấp thoát nước. Vào năm 2001, ông Lê Văn Th có đặt đường bọng ngầm bằng xi-măng qua đất của ông Trần Văn Ch (hiện do anh Trần Hoàng V sử dụng) đi thẳng ra sông Mù U để phục vụ cho việc canh tác.

Đến năm 2015, do phát sinh mâu thuẫn giữa hai bên nên anh V không cho ông Th được tiếp tục sử dụng đường bọng thì ông Th có xin ông Trần Văn B cho đặt bọng nhựa ngầm qua hai thửa đất 463 và 464 của ông B để phục vụ cho việc tưới tiêu và cấp thoát nước. Giữa ông Lê Văn Th và ông Trần Văn B có lập giấy cho đặt bọng, theo đó ông B cho ông Th được đặt bọng ngầm qua đất của ông B.

Ngày 10-5-2015, ông Lê Văn Th có làm Đơn xin đặt bọng nhựa để đặt bọng từ đất của ông qua đất của ông B, đường đan, đất của nhà văn hóa ấp H rồi ra sông Mù U. Đơn được Chi bộ, Trưởng ấp H xác nhận ngày 12-5-2015 và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 18-5-2015, ông B thừa nhận có ký tên đơn này; sau đó ông Th đầu tư làm đường bọng bằng nhựa phi 350mm qua phần đất của ông B, phần đất của nhà văn hóa ấp H ra sông Mù U để phục vụ việc tưới tiêu canh tác phần đất của ông Th đến ngày 20-5-2017, ông Th phát hiện có người hủy hoại bọng của ông nên trình báo công an xã giải quyết, từ đó ông B không cho ông Th sử dụng đường nước này, hiện nay hộ ông Th sử dụng

đường nước tạm thời là đường bọng nhựa đường kính 90mm cặp đường đan để sử dụng tưới tiêu.

Xét thấy căn cứ vào các biên bản thẩm định tại chỗ đường nước mà hộ ông Th yêu cầu ông B mở qua các thửa đất 463, 464 thì đường nước này đã được hộ ông Th đầu tư làm đường bọng bằng ống nhựa có đường kính phi 315 mm để sử dụng tưới tiêu cho phần đất vườn trồng cây sầu riêng của ông Th diện tích 5.091m² từ năm 2015 đến tháng 5 năm 2017 thì ông B không cho hộ ông Th sử dụng ; ông Th khởi kiện yêu cầu ông B tiếp tục cho hộ ông Th được sử dụng đường nước như hiện trạng trên đất của hộ ông B theo kết quả đo đạc đường nước ông Th yêu cầu mở qua đất ông B có chiều ngang 1m, chiều dài qua thửa đất 463 là 29,15m, chiều dài qua thửa đất 464 là 13,28m, diện tích 39,3m² là có căn cứ; bởi lẽ đường nước này, ông B có văn bản đồng ý cho hộ ông Th sử dụng và hộ ông Th đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 2015 đến khi phát sinh tranh chấp, việc hộ ông Th tiếp tục sử dụng đường nước bằng cách đặt đường bọng ngầm bằng đường ống nhựa phi 315mm ít cản trở, ảnh hưởng đến việc canh tác sử dụng đất của hộ ông B và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho hộ ông B, cũng như ít tốn kém chi phí cho hộ ông Th khi lắp đặt lại đường nước để sử dụng, mặt khác ngoài đường nước trên phần đất ông Th không có đường nước nào khác nên yêu cầu khởi kiện của ông Th là phù hợp với Điều 252, 253 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Căn cứ kết quả đo đạc ngày 01/11/2018, đường nước ông Th yêu cầu tiếp tục được sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở bề mặt có chiều ngang 1m, chiều dài qua thửa đất 463 của hộ ông B là 29,15m, nên buộc hộ ông B mở đường nước này cho hộ ông Th.

Đối với yêu cầu của ông Th tiếp tục được sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở bề mặt có chiều ngang 1m, chiều dài qua thửa đất 464 của hộ ông B là 13,28m. Xét thấy thửa đất 464 này theo lời trình bày của ông B và anh Trần Hoàng V thì thửa đất 464 ông B đã hoán đổi đất cho anh V, việc hoán đổi có làm văn bản giữa hai bên, tuy nhiên các bên chưa lập thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và hộ ông B vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 464 ; hiện nay anh V đang quản lý và sử dụng thửa đất 464, nên buộc anh V có trách nhiệm liên đới với hộ ông B mở đường nước này cho hộ ông Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th tự nguyện hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất 39,3m² và cây trồng gồm 02 bụi chuối cho ông B là 25.000.000đ cao hơn so với kết quả định giá ngày 24/01/2018 đối với quyền sử dụng đất 39,3m² và 02 bụi chuối chỉ có giá trị là 7.627.000 đồng ; xét thấy các thửa đất 463, 464 hiện nay do hộ ông Trần Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ghi nhận ông Th hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất nêu trên cho hộ ông Trần Văn B là phù hợp pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện bị đơn Trần Văn B trình bày ngoài đường nước ông Th yêu cầu ông B cho tiếp tục sử dụng thì phần đất ông Th còn có đường nước qua phần đất của ông Trần Văn Ch, tuy nhiên đường nước này trước đây hộ ông Th đã sử dụng do ông Th và anh V (con ông Ch) có mâu thuẫn nên ông

Ch không cho hộ ông Th sử dụng từ năm 2015, còn đường nước qua đất của ông Trần Văn N, Tòa án cấp phúc thẩm lấy lời khai của ông N vào ngày 27/5/2020 thì ông N có ý kiến không cho ông Th mở đường nước này, vì đường nước này là ranh đất giữa ông Trần Văn Ch và ông Trần Văn N, đường nước này phục vụ việc tưới tiêu cho phần đất của ông N, vì vậy lời trình bày của đại diện bị đơn cho rằng hộ ông Th còn có hai đường nước nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th như đã nhận định trên, nên ông B yêu cầu phản tố buộc phía ông Th phải di dời đường ống bọng nhựa có đường kính 315mm ra khỏi hai thửa 463 và 464 của ông B là chưa phù hợp, nên không chấp nhận.

Đối với đường nước bằng nhựa đường kính 90mm, ông B cho rằng việc ông Th đặt nằm cặp lộ đan nhưng cũng nằm trong hai thửa 463 và 464 của ông. Tuy nhiên, tại Công văn số 123/CV-UBND ngày 09-5-2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang xác định “trường hợp ông Lê Văn Th mở đường nước tạm trên phần đất dọc theo đường đan liên ấp, phần đất có đường nước mở tạm của ông Th đi qua không thuộc quyền quản lý của ông B. Cá nhân ông Trần Văn B không có quyền quyết định cho hay không cho ông Th mở đường nước trên”. Như vậy, việc ông B phản tố yêu cầu ông Th phải di dời đường nước phi 90mm nằm cặp đường đan là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Đối với đoạn đường nước bằng nhựa phi 90mm có chiều dài 0,6m nằm trong thửa đất 464 của hộ ông B, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của ông Th đồng ý tháo dỡ di dời nên ghi nhận.

Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn Th là có cơ sở nên chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông B

[4]Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Th được chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 296, khoản 2 Điều 112, Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 252, 253 của Bộ luật Dân sự; khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 25/06/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th.

- Buộc ông Trần Văn B, bà Bùi Thị Minh D, anh Trần Đ, chị Trần Chi S tiếp tục cho hộ ông Lê Văn Th sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở ở bề mặt có chiều ngang 01m đi qua thửa đất 463 có chiều dài 29,15m (Ký hiệu T4 trên sơ đồ) đất tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Trần Văn B, bà Bùi Thị Minh D, anh Trần Đ, chị Trần Chi S và anh Trần Hoàng V tiếp tục cho hộ ông Lê Văn Th sử dụng đường bọng ngầm bằng nhựa có đường kính 315mm và mở ở bề mặt có chiều ngang 01m đi qua thửa đất 464 có chiều dài 13,28m (Ký hiệu T5 trên sơ đồ) đất tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Ghi nhận ông Lê Văn Th có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất 39,3m² và cây trồng trên đất cho ông Trần Văn B, bà Bùi Thị Minh D, anh Trần Đ, chị Trần Chi S số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Trần Văn B.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn B yêu cầu ông Lê Văn Th phải di dời đường bọng nhựa đường kính 315mm (Nằm trong phần ký hiệu T4, T5 trên sơ đồ) ra khỏi thửa đất số 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 5.681,9m² (Đo đạc thực tế là 5.822,9m², ký hiệu T1 trên sơ đồ) và thửa đất 464, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9 m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn Th di dời đường bọng nhựa đường kính 90mm (Ký hiệu T8 trên sơ đồ) nằm cặp đường bê-tông trong hai thửa đất 463 tờ bản đồ số 15, diện tích 5.681,9m² (Đo đạc thực tế là 5.822,9m², ký hiệu T1 trên sơ đồ) và thửa đất số 464, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B.

Ghi nhận ông Lê Văn Th có nghĩa vụ di dời đường bọng nhựa đường kính 90mm, (Nằm trong phần đất ký hiệu T7 trên sơ đồ) có chiều dài 0,6m ra khỏi

thửa đất 464, tờ bản đồ 15, diện tích 138m² (Đo đạc thực tế là 126,9m², ký hiệu T3 trên sơ đồ) tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05696 ngày 22-12-2004 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Trần Văn B. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định” theo Quyết định số 07/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp theo biên lai thu số 14736 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang, xem như ông Th đã nộp xong án phí.

Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo biên lai thu số 14934 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang, xem như ông B đã nộp xong án phí.

4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho Ông Lê Văn Th số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16875 ngày 05/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 21/7/2020 có mặt bà Diệu, bà Linh, ông Th và ông B.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L;
- CC THADS huyện L;
- Phòng KTNV-THA
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình

